TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2018/HSST
Ngày 05 tháng 10 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Chọn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Bùi Minh Cảnh**

2. Bà **Võ Kim Thu**

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Hải Đăng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai, vụ án hình sự thụ lý số 23/2018/TLST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 9 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Lê Văn T, sinh năm 1990, tại huyện A, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: Ấp B, xã N Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T, sinh năm 1951 (còn sống) và bà Lâm Thị V, sinh năm 1953 (còn sống); có vợ tên Ca Bích N, sinh năm 1994 và có 01 người con sinh năm 2014; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 19/3/2008, Ủy ban nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang ra Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 19/3/2008 đưa vào cơ sở chữa bệnh 24 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; nhân thân: Bị cáo chưa bị Tòa án nào xét xử hình sự hay vi phạm pháp luật gì để bị xử phạt vi phạm hành chính; tạm giam ngày 05/5/2018 cho đến nay (Có mặt).

2. Mai Huỳnh T1 (Tên gọi khác: U), sinh năm 1983, tại huyện A, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: Ấp B, xã N Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Hữu X, sinh năm 1944 (còn sống) và bà Trương Thị N, sinh năm 1947 (còn sống); có vợ tên Huỳnh Thị Kim Đ, sinh năm 1984 và có 01 người con sinh năm 2012; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 14/3/2009, Công an

huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang ra Quyết định số 44 ngày 14/3/2009 đưa vào cơ sở chữa bệnh 24 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; nhân thân: Bị cáo chưa bị Tòa án nào xét xử hình sự hay vi phạm pháp luật gì để bị xử phạt vi phạm hành chính; tạm giam ngày 26/5/2018 cho đến nay (Có mặt).

3. Huỳnh Công T2, sinh năm 1976, tại huyện A, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: Ấp V, xã V T, huyện C, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Công B, sinh năm 1948 (còn sống) và bà Phùng Thị N, sinh năm 1951 (còn sống); bị cáo chưa có vợ; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 16/5/2008, Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang ra Quyết định số 1009/QĐ-UB ngày 16/5/2008 đưa vào cơ sở chữa bệnh 24 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Ngày 09/7/2008, Ủy ban nhân dân Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang ra Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 09/7/2008đưa vào cơ sở chữa bệnh 18 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Ngày 05/2/2013, Ủy ban nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang ra Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 05/2/2013 đưa vào cơ sở chữa bệnh 24 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; nhân thân: Bị cáo chưa bị Tòa án nào xét xử hình sự hay vi phạm pháp luật gì để bị xử phạt vi phạm hành chính; tạm giam ngày 10/7/2018 cho đến nay (Có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn T: Bà **Võ Thị Kim T,** là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Kiên Giang. Có mặt

- Bị hại:

1. Ông **Danh H**, sinh năm 1970. Có mặt

Nơi cư trú: Ấp Bào T, xã N Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

2. Anh **Quách Văn H**, sinh năm 1978. Vắng mặt

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

3. Anh **Bùi Văn D**, sinh năm 1983. Có mặt

Nơi cư trú: Ấp II, xã N Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

4. Anh **Nguyễn Quốc V**, sinh năm 1987. Vắng mặt

Nơi cư trú: Ấp Y, xã N Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

5. Anh **Danh Bé T**, sinh năm 1993. Có mặt

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã N, huyện A , tỉnh Kiên Giang.

6. Anh **Nguyễn Thanh T,** sinh năm 1987. Có mặt

Nơi cư trú: Ấp X, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

7. Ông **Ngô Thành T**, sinh năm 1956. Vắng mặt

Nơi cư trú: Ấp X, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

8. Anh **Danh Tùng L**, sinh năm 1982. Có mặt

Nơi cư trú: Khu phố C, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

9. Chị **Đỗ Thị Hồng C**, sinh năm 1988. Vắng mặt

Nơi cư trú: Khu phố E, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Ca Thị Bạch H**, sinh năm 1962. Có mặt

Nơi cư trú: Khu phố C, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

2. Bà **Ca Thị Bạch T**, sinh năm 1962. Vắng mặt

Nơi cư trú: Khu phố B, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

3. Ông **Lê Minh H, s**inh năm 1973. Có mặt

Nơi cư trú: Ấp 3, xã N Y, huyện A, Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ ngày 04/5/2018 Lê Văn T điều khiển xe mô tô, màu đỏ, nhãn hiệu Honda, loại xe Aiblade, biển kiểm soát 68B1 - 070.94 từ Nam Yên đi về hướng Thứ Ba để tìm tài sản là máy cắt, máy hàn lấy trộm. Khi đến khu phố 3, thị trấn Thứ Ba T phát hiện cơ sở kinh doanh của chị Đỗ Thị Hồng C có một máy hàn điện hiệu DTECH để bên trong nhà nên nảy sinh ý định lấy trộm. Tý dừng xe ngoài lộ đi vào nhà chị C lấy trộm một chiếc máy hàn trị giá theo Kết luận định giá tài sản là 2.480.000 đồng mang ra để lên xe rồi điều khiển xe đi đến chợ 30/4 thuộc thành phố Rạch Giá, Kiên Giang bán được với giá 500.000đồng, số tiền bán được Tý mua chất ma túy sử dụng. Đến 09 giờ sáng cùng ngày Tý đến Công an huyện An Biên đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Ngoài lần phạm tội nêu trên, Lê Văn T khai nhận cùng với Mai Huỳnh T1 thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện An Biên cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Trong tháng 8/2017 (không nhớ ngày), Lê Văn T và Mai Huỳnh T1 rủ nhau đi tìm kiếm tài sản lấy trộm để lấy tiền mua chất ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân. T1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave màu đen, biển kiểm soát 68U5- 998 chở T đi từ nhà ở ấp 3 đến ấp B, xã N phát hiện trong tiệm sửa máy của ông Danh H có 01 máy cắt cỏ nhãn hiệu Kawa, lúc này Tuyền dừng xe lại Tý ngồi trên xe canh đường, Tuyên vào lấy trộm chiếc máy cắt cỏ của ông Danh H, trị giá theo Kết luận định giá là 1.440.000 đồng, sau khi lấy trộm tài sản xong T và T1 mang tài sản về ấp 3 Biển, xã Nam Yên bán cho một người (không rõ nhân thân) được với giá 500.000 đồng. Số tiền này T và T1 mua chất ma túy sử dụng chung.

Vụ thứ hai: Trong tháng 11/2017 (không nhớ ngày), Mai Huỳnh T điều khiển xe mô tô Airblade màu đỏ, biển kiểm soát 68B1- 070.94 chở Lê Văn T đi từ Nam Yên về hướng chợ Thứ 7, xã Đông Thái tìm kiếm tài sản để lấy trộm. Khi đến Thứ 6, thuộc ấp Đông Thành, xã Đông Thái, T và T1 phát hiện 01 máy hàn nhãn hiệu HTC đang để trước cửa tiệm sữa máy của anh Quách Văn H, không có người trong giữ, T1 dừng xe trước cửa tiệm canh đường để T vào lấy trộm máy hàn của anh H, trị giá theo kết luận định giá 1.980.000đồng, sau khi lấy trộm tài sản T và T1 mang về Rạch Giá bán được với giá 500.000 đồng. Số tiền này T1 và T mua ma túy sử dụng chung.

Vụ thứ ba: Vào khoảng 10 giờ ngày 10/12/2017, Mai Huỳnh T1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave màu đen, biển kiểm soát 68U5- 3998 chở Lê Văn T đến nhà của anh Bùi Văn D ở ấp B, xã N Y phát hiện có 01 máy hàn nhãn hiệu

Maxweld Arc 200 để trong nhà, T1 dừng xe lại cho T ngồi trên xe canh đường, T1 vào lấy trộm chiếc máy hàn trị giá theo kết luận định giá là 3.150.000đồng, sau khi lấy trộm tài sản xong T và T1 mang tài sản đến chợ 30/4 thành phố Rạch Giá bán được với giá 500.000 đồng, số tiền này T1 và T mua chất ma túy sử dụng chung.

Vụ thứ tư: Vào trưa ngày 17/12/2017, Lê Văn T một mình từ nhà điều khiển xe mô tô Airblade màu đỏ, biển kiểm soát 68B1- 070.94 đến tiệm làm đồ nhôm của anh Nguyễn Quốc V ở ấp Y, xã N Y lấy trộm 01 (một) máy khoan (không nhớ nhãn hiệu) và 01 máy cắt nhãn hiêu Makita, màu đỏ, trị giá theo kết luận định giá 1.675.000đồng, sau khi lấy trộm xong Tý mang tài sản đến chợ 30/4 thành phố Rạch Giá bán được với giá 500.000 đồng, tiêu sài cá nhân hết.

Vụ thứ năm: Vào khoảng 11 giờ (không nhớ ngày) trong tháng 01/2018, Lê Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Airblade màu đỏ, biển kiểm soát: 68B1-070.94 chở Mai Huỳnh T1 ngồi phía sau đi đến nhà của anh Trương Văn V ở ấp C, xã N phát hiện có 01 máy cắt để trong nhà, T dừng xe lại ngồi ngoài canh đương để T1 vào lấy trộm chiếc máy cắt, (không nhớ nhãn hiệu), trị giá theo kết luận định giá là 1.980.000đồng, sau khi lấy trộm tài sản xong T và T1 mang tài sản đến chợ 30/4 thành phố Rạch Giá bán được với giá 500.000 đồng, số tiền này T1 và T mua ma túy sử dụng chung.

Vụ thứ sáu: Trong tháng 01/2018 (không nhớ ngày), Mai Huỳnh T1 điều khiển xe Airblade màu đỏ, biển kiểm soát 68B1- 070.94 chở Lê Văn T ngồi phía sau đi từ nhà đến Đồng Giữa, xã Nam Thái phát hiện trong tiệm làm sắt của anh Danh Bé T có 01 máy cắt (không nhớ nhãn hiệu) đang để trong tiệm, T1 dừng xe lại, T ngồi trên xe, còn T1 đi vào lấy trộm chiếc máy cắt, trị giá theo kết luận định giá là 2.800.000đồng, sau khi lấy trộm tài sản xong T và T1 mang tài sản đến chợ 30/4 thành phố Rạch Giá bán được với giá 500.000 đồng, số tiền này T1 và T mua chất ma túy sử dụng chung.

Vụ thứ bảy: Vào khoảng 13 giờ ngày 16/02/2018, Mai Huỳnh T1 điều khiển xe Airblade màu đỏ, biển kiểm soát 68B1- 070.94 chở Lê Văn T ngồi phía sau đi từ nhà đến ấp Xẻo Rô, xã Hưng Yên phát hiện trong nhà anh Ngô Thành T có 01 máy cắt sắt (không nhớ nhãn hiệu) đang để trong nhà không có người trông giữ, T1 dừng xe cặp lộ canh đường để T vào nhà lấy trộm chiếc máy cắt săt của anh Thành T, trị giá theo kết luận định giá là 2.430.000đồng, sau khi lấy trộm tài sản xong T và T1 mang tài sản đến chợ 30/4 thành phố Rạch Giá bán được với giá 500.000 đồng, số tiền này T1 và T mua chất ma túy sử dụng chung.

Vụ thứ tám: Vào buổi trưa, trong tháng 2/2018 (không nhớ ngày), Mai Huỳnh T1 điều khiển xe Airblade màu đỏ, biển kiểm soát 68B1- 070.94 chở Lê Văn T ngồi phía sau đi từ nhà đến tiệm sửa máy ở ấp Đông Thành, xã Đông Thái phát hiện có 01 máy cắt để trước cửa tiệm sửa máy ở dưới mé sông không có người trông giữ, T1 dừng xe lại ngồi ngoài canh đường cho T đi vào lấy trộm chiếc máy cắt, sau khi lấy trộm tài sản xong T và T1 mang tài sản đến chợ 30/4 thành phố Rạch Giá bán được với giá 500.000 đồng. Số tiền này Tuyền và Tý mua chất ma túy sử dụng chung.

Vụ thứ chín: Khoảng 08 giờ 30 ngày 03/5/2018, Mai Huỳnh T1 điều khiển xe xe Airblade màu đỏ, biển kiểm soát 68B1- 070.94 chở Lê Văn T ngồi phía sau đi từ nhà đến cầu thứ 5 thuộc ấp Nam Quý, xã Đông Thái phát hiện trong tiệm tạp hóa của chị Nguyễn Thị L có bày bán bia, T1 dừng xe ngồi ngoài canh đường cho

Tý đi vào lấy trộm 02 thùng bia Sài Gòn xanh và 02 thùng bia Tiger thì bị người dân phát hiện truy hô, T1 điều khiển xe chở T chạy về hướng Xẻo Rô thì bị lực lượng Công an phát hiện, T bỏ chạy, T1 bị mời về cơ quan Công an làm việc và thừa nhận hành vi phạm tội.

Vụ thứ mười: Khoảng tháng 5/2018 (không nhớ ngày), Mai Huỳnh T1 điều khiển xe Airblade màu đỏ, biển kiểm soát 68B1- 070.94 chở Lê Văn T ngồi phía sau từ nhà đến tiệm sửa xe của anh Danh Tùng L ở khu phố 3, thị trấn Thứ Ba phát hiện trong tiệm sửa xe có 01 máy hàn để trước của tiệm, T1 dừng xe lại ngồi ngoài canh đường cho T đi vào lấy trộm chiếc máy hàn của anh L, trị giá theo kết luận định giá là 1.400.000đồng, sau khi lấy trộm tài sản xong T và T1 mang tài sản đến chợ 30/4 thành phố Rạch Giá bán được với giá 500.000 đồng. Số tiền này Tuyền và T mua chất ma túy sử dụng chung.

Ngoài ra, bị cáo Mai Huỳnh T1 cùng với Huỳnh Công T2 thực hiện một vụ trộm cắp tài sản như sau: Vào khoảng 10 giờ ngày 27/01/2018, Huỳnh Công T2 điều khiển xe môtô nhãn hiệu Wave màu đen, biển kiểm soát 68U5-3998 chở Mai Huỳnh T1 ngồi phía sau đi từ huyện Châu Thành về hướng huyện An Biên. Khi đến khu vực qua khỏi đường dẫn lên cầu Cái Lớn thuộc ấp Xẻo Rô, xã Hưng Yên phát hiện trong một tiệm sữa xe của anh Nguyễn Thanh T có 01 máy hàn hiệu pana và 01 máy cắt sắt màu vàng (không nhớ hiệu) để trước của tiệm nhưng không có người trông giữ, T2 điều khiển xe quay lại và đậu trước cửa tiệm canh đường để T1 lấy trộm 01 máy hàn và 01 máy cắt, trị giá theo kết luận định giá là 3.670.000đồng, mang ra đến lộ, chuẩn bị lên xe thì Nguyễn Thanh H (con Nguyễn Thanh T) phát hiện, T2 và T1 cầm tài sản lên xe bỏ chạy về thành phố Rạch Giá bán được với giá 1.000.000 đồng. Số tiền này T1 và Tâm mua chất ma túy để sử dụng chung.

Đối với vụ trộm 01 (một) máy cắt để trước tiệm sửa máy ở dưới mé sông thuộc ấp Đông Thành, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện An Biên đã thông báo truy tìm bị hại nhưng không gặp.

Lê Văn T và Mai Huỳnh T1 trộm 04 thùng bia (02 thùng Sài Gòn Xanh và 02 thùng Tiger) chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện An Biên đã đề nghị Công an xã Đông Thái ra Quyết định xử lý hành chính.

Ngoài các lần phạm tội nêu trên và bằng thủ đoạn tương tự Lê Văn T và Mai Huỳnh T1, còn khai nhận thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn các huyện khác như sau: Hòn Đất và Châu Thành. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện An Biên đã ban hành Công văn Thông báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Hòn Đất và Châu Thành để phối hợp điều tra giải quyết theo thẩm quyền.

Trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện An Biên tiến hành thu giữ vật chứng gồm: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Airblade màu đỏ, biển kiểm soát 68B1-07094; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Airblade màu đỏ, biển kiểm soát 68B1-07094 và 01 máy hàn điện màu cam hiệu DTECH.

Tại bản Cáo trạng số 24/CT-VKS ngày 30/8/2018 của Viện kiểm sát nhân

dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang đã truy tố các bị cáo Lê Văn T, Mai Huỳnh T1, Huỳnh Công T2 về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử các bị cáo Lê Văn T, Mai Huỳnh T1, Huỳnh Công T2 phạm tội *"Trộm cắp tài sản";*

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự tuyên xử bị cáo Lê Văn T từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự tuyên xử bị cáo Mai Huỳnh T1 từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự tuyên xử bị cáo Huỳnh Công T2 từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù;

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 590 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Tý tiếp tục bồi thường cho các bị hại còn lại, đồng thời đề nghị ghi nhận ý kiến của bị cáo Tý xin tiếp tục nộp số tiền 1.400.000 đồng để tiếp tục khắc phục cho các bị hại.

Trợ giúp viên bào chữa cho bị cáo Lê Văn T có ý kiến: Thống nhất quan điểm truy tố của Viện kiểm sát về tội danh, nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bởi lẽ, bị cáo T quá trình điều tra cũng như tại tòa có thái độ thành khẩn khai nhận, ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình khó khăn về kinh tế, thuộc diện hộ nghèo; trình độ học vấn thấp; chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả cho những người bị hại và những người bị hại tại phiên tòa cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xử bị cáo ở mức án thấp nhất cũng đủ răn đe, giáo dục để bị cáo sớm trở về làm ăn chân chính lo cho gia đình.

Ý kiến của những bị hại: Anh Danh Tùng L, Bùi Văn D, Danh H, Danh Bé T đều đã nhận toàn bộ tiền bồi thường thiệt hại do tài sản bị mất, đều không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự; về trách nhiệm hình sự đều có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T và T1;

Riêng bị hại Nguyễn Thanh T không yêu cầu bị cáo Tâm tiếp tục bồi thường giá trị thiệt hại còn lại, đồng thời yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Tâm.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà H tại Tòa xác định đã lấy lại 01 (một) xe môtô nhãn hiệu Honda, số loại Airblade màu đỏ, biển kiểm soát 68B1-07094 do bị cáo T mượn dùng phương tiện đi lấy tài sản mà bà hoàn toàn không biết, vì thường ngày bị cáo hay mượn chạy đi công việc hoặc đi về quê bị cáo. Ngoài ra, bà Hoa không yêu cầu gì đối với bị cáo, chỉ yêu cầu xử bị cáo

mức án nhẹ để bị cáo sớm trở về làm ăn lo cho vợ con.

Các bị cáo Lê Văn T, Mai Huỳnh T1 và Huỳnh Công T2 nói lời sau cùng: Các bị cáo đều thể hiện sự ăn năn hối hận, biết mình vi phạm pháp luật và đã hối hận xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo, những người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo Lê Văn T, Mai Huỳnh T1 và Huỳnh Công T2 đã khai nhận:

Vào khoảng thời gian từ tháng 8/2017 đến tháng 02/2018 bị cáo T, T1 và T2 sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Airblade màu đỏ, biển kiểm soát 68B1-07094 và xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Airblade màu đỏ, biển kiểm soát 68B1-07094 thực hiện hành vi lấy trộm tài sản chủ yếu là máy hàn, máy cắt, máy cắt cỏ và máy khoan trên địa bàn huyện An Biên, sau đó đem đi bán lấy tiền mua chất ma túy sử dụng và tiêu sài cá nhân. Trong đó, từng bị cáo thực hiện hành vi cụ thể như sau:

Bản thân bị cáo Tý lấy trộm của chị Đỗ Thị Hồng C 01 máy hàn điện theo kết quả định giá 2.480.000 đồng; lấy trộm của anh Nguyễn Quốc V 01 máy khoan và 01 máy cắt, trị giá theo định giá 1.675.000 đồng;

Ngoài ra, bị cáo T và T1 cùng nhau thực hiện 09 lần lấy trộm tài sản của các bị hại cụ thể là, vào tiệm sửa máy của ông Danh H lấy 01 máy cắt cỏ nhãn hiệu Kawa, trị giá theo Kết luận định giá là 1.440.000đồng; tháng 11/2017 (không nhớ ngày lấy trộm 01 máy hàn nhãn hiệu HTC đang để trước cửa tiệm sữa máy của anh Quách Văn H, trị giá theo kết luận định giá 1.980.000đồng; ngày 10/12/2017 đến nhà của anh Bùi Văn D lấy 01 máy hàn nhãn hiệu Maxweld Arc 200, trị giá theo kết luận định giá là 3.150.000đồng; tháng 01/2018 lấy của anh Trương Văn V có 01 máy cắt, trị giá theo kết luận định giá là 1.980.000đồng; tháng 01/2018 lấy của anh Danh Bé T 01 máy cắt (không nhớ nhãn hiệu) đang để trong tiệm, trị giá theo kết luận định giá là 2.800.000đồng; ngày 16/02/2018, lấy của anh Ngô Thành T 01 máy cắt sắt (không nhớ nhãn hiệu), trị giá theo kết luận định giá là 2.430.000đồng; tháng 2/2018 đến tiệm sửa máy ở ấp Đông Thành, xã Đông Thái lấy 01 máy cắt để trước cửa tiệm sửa máy ở dưới mé sông không có người trông giữ; ngày 03/5/2018 phát hiện trong tiệm tạp hóa của chị Nguyễn Thị L có bày bán bia, Tý đi vào lấy

trộm 02 thùng bia Sài Gòn xanh và 02 thùng bia Tiger thì bị người dân phát hiện truy hô, T1 điều khiển xe chở T chạy về hướng Xẻo Rô thì bị lực lượng Công an phát hiện; tháng 5/2018 đến tiệm sửa xe của anh Danh Tùng L ở khu phố C, thị trấn T phát hiện trong tiệm sửa xe có 01 máy hàn để trước của tiệm, T1 dừng xe lại ngồi ngoài canh đường cho T đi vào lấy trộm chiếc máy hàn của anh Tùng L, trị giá theo kết luận định giá là 1.400.000đồng. Tổng giá trị tài sản lấy trộm theo kết luận định giá của bị cáo T và T1 là 15.002.000 đồng;

Bị cáo Tuyền và Tâm cùng nhau lấy trộm của anh Nguyễn Thanh T 01 máy hàn hiệu Pana và 01 máy cắt sắt màu vàng, trị giá theo kết luận định giá là 3.670.000 đồng.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, kết luận định giá tài sản và các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ nên có đủ căn cứ kết luận các bị cáo T, T1 và T2 phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên truy tố các bị cáo Lê Văn T, Mai Huỳnh Tvà Huỳnh Công T2 theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 về tội "Trộm cắp tài sản*"* là đúng người, đúng tội.

[3] Xét về tính chất và mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo tuy là ở mức độ ít nghiêm trọng, tài sản thiệt hại không lớn nhưng nguy hiểm cho xã hội. Bởi lẽ, các bị cáo đều có đầy đủ năng lực hành vi nhận thức được việc lợi dụng sự sơ hở của các bị hại đã lén lút lấy trộm tài sản của họ là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì lười lao động chân chính, muốn có tiền nhanh chóng để sử dụng ma túy và chi xài cá nhân mà các bị cáo đã bất chấp mọi hậu quả pháp lý. Hành vi của các bị cáo đã cố ý trực tiếp không những gây thiệt hại cho chủ sở hữu tài sản mà còn làm mất an ninh trật tự xã hội và gây hoang mang tư tưởng của người dân, nên cần xử bị cáo một mức án nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả các bị cáo đã gây ra để các bị cáo được cải tạo, giáo dục trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội, đồng thời cũng nhằm phòng ngừa chung cho những người khác có ý định tương tự như các bị cáo.

Tuy nhiên, ở vụ án này cũng cần xem xét vai trò thực hiện tội phạm của từng bị cáo để cân nhắc mức hình phạt tương xứng và phù hợp:

Bị cáo T đã tự thực hiện hai lần lấy trộm tài sản bị hại, đồng thời cùng bị cáo T1 thực hiện lấy trộm tổng cộng 09 lần, tổng cộng 11 lần, trong đó T1 canh đường còn T chủ động trực tiếp vào lấy 05 lần. Do vậy, vai trò của bị cáo T tuy tuổi đời còn nhỏ hơn so với bị cáo T nhưng thể hiện sự chủ động trong việc tìm tài sản lấy trộm là nhiều hơn, tích cực hơn nên bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự ở mức độ cao hơn so với bị cáo T1 trong vụ án;

Bị cáo Tuyền tuy trực tiếp thực hiện hành vi lấy trộm ít hơn bị cáo T, nhưng

khi mang đi tiêu thụ lấy tiền mua chất ma túy sử dụng thì bị cáo T1 thể hiện với vai trò chính, là người trực tiếp bán nhiều hơn bị cáo T. Ngoài ra, bị cáo còn cùng với bị cáo T2 thực hiện một lần trộm giá trị tổng tài sản cao hơn so với các lần lấy trộm cùng bị cáo T, bị cáo là người trực tiếp lấy tài sản, tổng cộng bị cáo tham gia trộm 10 lần. Cho nên bị cáo T1 phải chịu trách nhiệm hình sự ở mức độ thứ nhì trong vụ án;

Riêng bị cáo T2 chịu trách nhiệm hình sự ở mức thấp hơn so với hai bị cáo T1 và T trong vụ án do chỉ thực hiện 01 lần cùng bị cáo T2.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét về nhân thân của các bị cáo T, T1 và T2 đều là những đối tượng nghiện ma túy và đã được đưa vào cơ sở chữa bệnh, cai nghiện bắt buộc theo các quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Riêng bị cáo Huỳnh Công T2 đã được đưa đi ba lần nhưng vẫn tiếp tục tái nghiện ma túy;

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Lê Văn T và Mai Huỳnh T1 thực hiện hành vi lấy trộm nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, cụ thể có 03 lấy trộm giá trị tài sản mỗi lần đều trên hai triệu đồng; bị cáo T2 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều có thái độ thật thà, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải hành vi sai trái của mình; các bị hại có mặt tại phiên tòa đều có ý kiến đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo;

Bị cáo T có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thuộc diện hộ nghèo; tại phiên tòa cũng đã tác động gia đình tiếp tục khắc phục bồi thường cho những người bị hại gồm: Danh H, Danh T, anh L và anh D xong;

Bị cáo T1, quá trình điều tra đã tự nguyện khắc phục bồi thường cho tất cả các bị hại xong trong quá trình điều tra. Do vậy, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xử phạt các bị cáo ở mức án vừa phải cũng đủ răn đe, giáo dục và tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo đã gây ra, nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của Pháp luật Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên đề nghị áp dụng hình phạt từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù đối với bị cáo T và T1; từ 09 – 12 tháng tù đối với bị cáo T2 là có căn cứ chấp nhận một phần. Bởi lẽ, giữa bị cáo T và T1 xét về tính chất mức độ hành vi của hai bị cáo cho thấy, riêng bị cáo T thực hiện trước sau tổng cộng 11 lần lấy trộm tài sản sau khi bị bắt và quá trình điều tra, truy tố chưa khắc phục bồi thường cho bị hại phần nào, khi đến phiên tòa đã tác động gia đình bồi thường trực tiếp cho 04 bị hại, tổng thiệt hại tài sản riêng bị cáo T, bị cáo T và T1 cùng gây ra lớn hơn so với bị cáo T1; còn bị cáo T1 đã khắc phục hậu quả cho tất cả các bị hại

tại giai đoạn điều tra, số lần thực hiện hành vi ít hơn so với bị cáo T cho nên về mức hình phạt xử bị cáo T1 cần xem xét nhẹ hơn so với bị cáo T là phù hợp đã như đã phân tích trên.

Xét ý kiến bào chữa cho bị cáo T của Trợ giúp viên pháp lý là có căn cứ chấp nhận như nêu ở phần nhận định trên.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay giữa các bị cáo và những người bị hại đã thỏa thuận với nhau về mức bồi thường, cụ thể như sau:

Bị cáo T bồi thường tổng cộng 9.717.500đ cho các bị hại trong đó: Danh H 1.800.000đ, Bùi Văn D 1.575.000đ, Quách Văn H 1.100.000đ, Nguyễn Quốc V 837.500đ, Trương Văn V 990.000đ, Danh Bé T 1.500.000đ, Danh Tùng L 700.000đ và Ngô Thành T 1.215.000đ.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo T đã bồi thường xong cho các bị hại Bùi Văn D, Danh Tùng L, Danh Bé T và Danh H. Còn các bị hại buộc bị cáo T tiếp tục bồi thường gồm: Quách Văn H 1.100.000đ, Nguyễn Quốc V 837.500đ, Trương Văn V 990.000đ và Ngô Thành T 1.215.000đ.

Bị cáo T1 bồi thường tổng cộng số tiền 10.852.500đ cho các bị hại trong đó: Danh H 1.800.000đ, D 1.575.000đ, H 1.100.000đ, Nguyễn Quốc V 837.500đ, Trương Văn V 990.000đ, Danh Bé T 1.500.000đ, Ngô Thành T 1.215.000đ và Nguyễn Thanh T 1.835.000đ. Tuy nhiên, bị cáo T1 đã bồi thường xong cho tất cả các bị hại.

Ghi nhận ý kiến của bị hại Nguyễn Thanh T không yêu cầu bị cáo Huỳnh Công T2 tiếp tục bồi thường số tiền còn lại 1.835.000đ;

Căn cứ các Điều 584, 585, 587, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015. Xét thỏa thuận bồi thường nêu trên của các bị cáo, những người bị hại là phù hợp kết luận định giá về giá trị, phù hợp với từng lần riêng bị cáo T thực hiện việc lấy trộm; từng lần giữa bị cáo T và T1, bị cáo T1 và T2 cùng thực hiện; đồng thời đối chiếu quy định pháp luật là phù hợp, đó là sự tự nguyện không ai ép buộc và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận tất cả các thỏa thuận nêu trên.

Xét ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị ghi nhận cho người nhà bị cáo T tiếp tục nộp số tiền 1.400.000đ. Nhận thấy, suốt quá trình xét xử trong ngày 05/10/2018 người nhà bị cáo không liên hệ Thư ký phiên tòa để làm thủ tục nộp số tiền nêu trên nên Tòa án không thể ghi nhận việc này. Tuy nhiên, sau khi có Bản án thì gia đình bị cáo vẫn có thể tiếp tục nộp để bồi thường cho các bị hại còn lại.

Như vậy, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm bị cáo T1 đã bồi thường xong cho các bị hại, bị cáo T2 không phải bồi thường do bị hại không yêu cầu; bị cáo T tiếp tục bồi thường cho các bị hại Quách Văn H 1.100.000đ, Nguyễn Quốc V

837.500đ, Trương Văn V 990.000đ và Ngô Thành T 1.215.000đ.

[7] Về vật chứng của vụ án:

Hoàn trả cho bà Ca Thị Bạch H 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Airblade màu đỏ, biển kiểm soát 68B1-07094 và trả cho ông Lê Minh Hạnh 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Airblade màu đỏ, biển kiểm soát 68B1-07094 do chủ sở hữu không có lỗi trong việc để các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội; trả cho bà Đỗ Thị Hồng C 01 máy hàn điện màu cam hiệu BTECH.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông H, bà H và bà C không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Toà án. Buộc bị cáo Mai Huỳnh T1 và Huỳnh Công T2 phải nộp án phí theo quy định của pháp luật. Riêng bị cáo T được miễn toàn bộ án phí do thuộc hộ nghèo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuyên bố các bị cáo Lê Văn T, Mai Huỳnh T và Huỳnh Công T2 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lê Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày 05/5/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Mai Huỳnh T1 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày 26/5/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Huỳnh Công T2 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày 10/7/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 587, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015. Ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường thiệt hại về tài sản giữa bị cáo và bị hại cụ thể như sau.

Bị cáo Lê Văn T có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường cho Quách Văn H 1.100.000đ (Một triệu một trăm nghìn đồng), Nguyễn Quốc V 837.500đ (Tám trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng), Trương Văn V 990.000đ (Chín trăm chin mươi nghìn đồng) và Ngô Thành T 1.215.000đ (Một triệu hai trăm mười lăm nghìn

đồng);

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Toà án.

Buộc mỗi bị cáo Mai Huỳnh T1 và Huỳnh Công T2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Riêng bị cáo Lê Văn T được miễn toàn bộ do thuộc diện hộ nghèo.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người bào chữa và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên, tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- THA Dân sự, Hình sự ;
- NTG; CA huyện An Biên;
- Người TGTT;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và dóng dấu)

Trần Thị Chọn